



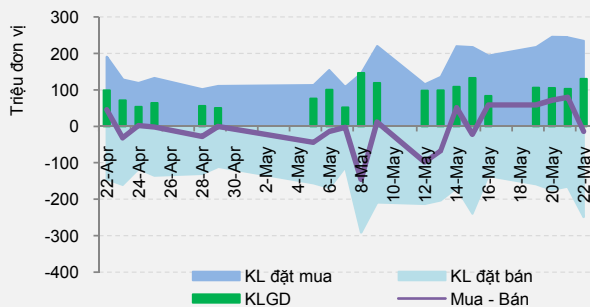
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 22/5/2014

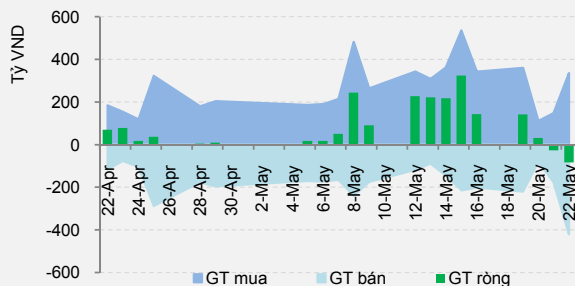
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	541.7	74.6
% Thay đổi	↓ -0.4%	↓ -1.3%
KLGD (CP)	130,117,230	86,066,580
GTGD (tỷ đồng)	1,908.04	719.39
Tổng cung (CP)	247,718,970	120,984,200
Tổng cầu (CP)	234,163,060	109,870,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	9,410,746	917,100
KL mua (CP)	8,995,476	3,849,200
GTmua (tỷ đồng)	335.84	48.93
GT bán (tỷ đồng)	419.06	10.54
GT ròng (tỷ đồng)	(83.23)	38.39

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.94%	8.7	1.8	3.0%
Công nghiệp	↓ -0.97%	31.2	1.2	17.8%
Dầu khí	↓ -1.14%	7.0	1.9	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.34%	18.4	1.9	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.51%	11.9	3.0	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.18%	13.4	4.2	17.6%
Ngân hàng	↓ -1.06%	8.7	1.2	5.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.10%	12.2	2.1	8.9%
Tài chính	↓ -1.50%	11.5	2.2	37.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.48%	24.9	4.4	5.0%
VN - Index	↓ -0.40%	13.3	2.9	72.6%
HNX - Index	↓ -1.32%	18.5	1.6	27.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	802,710	0.8%	4,124,200	3.9%
GTGD (tỷ VND)	10,078	0.7%	66,791	4.4%

ĐIỀU CHỈNH GIẢM KHI TIẾP CẬN NGƯỠNG KHÁNG CỰ - NHÓM CỔ PHIẾU CHỨNG KHOÁN, BĐS CHỊU ÁP LỰC CUNG KHẢ MẠNH

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm khi tiếp cận ngưỡng cản kỹ thuật, mốc hội tụ đường MA20 và trendline giảm ngắn hạn. Chỉ số HNX-Index cũng giảm điểm trở lại sau 5 phiên tăng liên tiếp, phản ứng với đường trendline ngắn hạn. Áp lực cung giá cao tăng mạnh ngay từ đầu phiên và duy trì cho đến cuối phiên. Điểm tích cực là dòng tiền tham gia thị trường vẫn mạnh và ổn định, chỉ số Index giảm có khá nhiều trong phiên. Tuy nhiên tính chung toàn thị trường, áp lực chốt lời vẫn chiếm ưu thế, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu đã tăng nóng thuộc nhóm ngành chứng khoán, BĐS.

Theo quan điểm kỹ thuật, thị trường đang giảm điểm trở lại khi tiếp cận ngưỡng cản kỹ thuật, sau hơn 1 tuần bật lên từ ngưỡng hỗ trợ. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ điều chỉnh kiểm định lại mốc MA200 ngày, tương đương khoảng 530-533 điểm đối với VN-Index, 70-71 điểm đối với HNX-Index, trước khi phục hồi trở lại. Trong trường hợp này, vùng đáy 510 của VN-Index, 68 điểm của HNX-Index sẽ được xác lập và điểm mua được kích hoạt. Trong trường hợp kiểm định MA200 ngày không thành công, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của hai chỉ số Index là vùng đáy cũ.

Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, chúng tôi đánh giá cao hơn kịch bản thị trường kiểm định thành công đường MA200. Nhà đầu tư theo dõi diễn biến thị trường tại ngưỡng hỗ trợ để có quyết định giao dịch hợp lý.

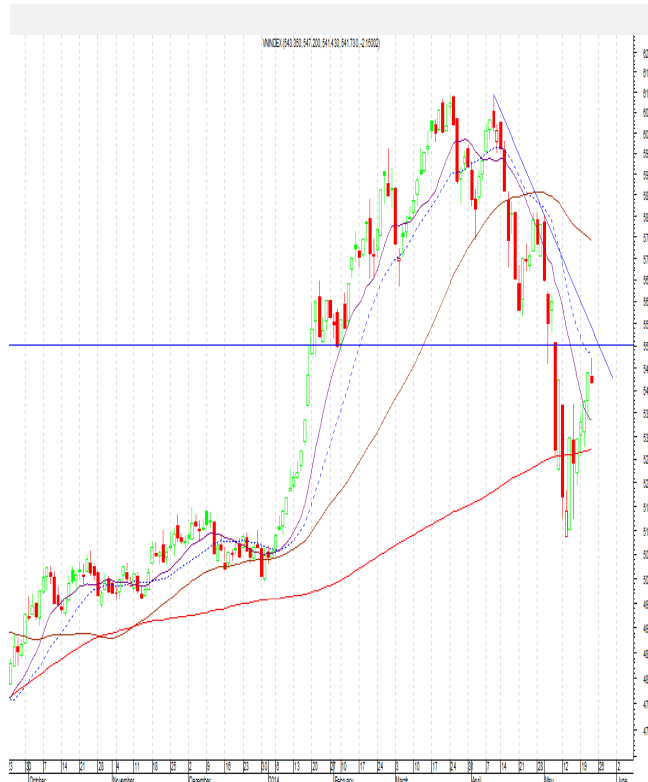
- Chỉ số VN-Index giảm 2.15 điểm (0.40%), xuống 541.73 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.99 điểm (1.31%), xuống 74.57 điểm.

- Trong 5 tháng đầu năm 2014, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động được 121.144 tỷ đồng từ trái phiếu Chính phủ, đạt 57,7% kế hoạch. Trong 5 tháng đầu năm, hệ thống KBNN đã thực hiện kiểm soát 234.289 tỷ đồng chi thường xuyên của NSNN (đạt 33,3% dự toán). Ước tính đến ngày 31/5, chi đầu tư thuộc kế hoạch năm 2014 giải ngân qua hệ thống KBNN ước đạt khoảng 85.452 tỷ đồng (đạt 32% kế hoạch năm), trong đó vốn xây dựng cơ bản giải ngân là 49.185 tỷ đồng, vốn TPCP giải ngân là 26.270 tỷ đồng, vốn khác giải ngân là 9.996 tỷ đồng.

- Với thực tế nhiệm vụ chi đầu tư phát triển chậm so với kế hoạch, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương đề nghị triển khai các giải pháp thúc đẩy việc giải ngân kế hoạch năm 2014 đối với vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ. Theo đó, các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển, nhất là đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA.

- Sau khuyến nghị của NHNN về thị trường vàng ngoại tệ, giá vàng ngày hôm nay đã hạ nhiệt xuống mức 36,6 triệu đồng/lượng sau khi tăng lên mức 37,5 triệu đồng/lượng vào ngày 20/5, mức cao nhất trong 7 tháng qua. Tình hình giao dịch vàng cũng khá trầm lắng. Lượng vàng SJC bán ra trong ngày hôm nay là 1.800 lượng, giảm mạnh so với mức bán ra (khoảng 3.000 lượng/ngày) của hai ngày đầu tuần. Tỷ giá VND/USD cũng hạ nhiệt trở lại.

VN-INDEX


- Chỉ số VN-Index giảm 2.15 điểm (0.40%), xuống 541.73 điểm.

- KLGD tăng 22% so với phiên giao dịch trước, lên 122 triệu đơn vị.

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm khi tiếp cận ngưỡng cản 550 điểm, mốc hội tụ đường MA20 và trendline giảm ngắn hạn. Áp lực cung giá cao tăng mạnh ngay từ đầu phiên và duy trì cho đến cuối phiên. Điểm tích cực là dòng tiền tham gia thị trường vẫn mạnh và ổn định, chỉ số Index giảm có khá nhiều trong phiên. Tuy nhiên tính chung toàn thị trường, áp lực chốt lời vẫn chiếm ưu thế, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu đã tăng nóng thuộc nhóm ngành chứng khoán, BĐS.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang giảm điểm trở lại khi tiếp cận ngưỡng cản kỹ thuật, sau hơn 1 tuần bật lên từ ngưỡng hỗ trợ. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ điều chỉnh kiểm định lại mốc MA200 ngày, tương đương khoảng 530-533 điểm, trước khi phục hồi trở lại. Trong trường hợp này, vùng đáy 510 sẽ được xác lập và điểm mua được kích hoạt. Trong trường hợp kiểm định MA200 ngày không thành công, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là vùng đáy cũ.

Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, chúng tôi đánh giá cao hơn kịch bản thị trường kiểm định thành công đường MA200. Nhà đầu tư theo dõi diễn biến thị trường tại ngưỡng hỗ trợ để có quyết định giao dịch hợp lý.

HNX-INDEX


- Chỉ số HNX-Index giảm 0.99 điểm (1.31%), xuống 74.57 điểm.

- KLGD tăng 5% so với phiên trước, lên 84 triệu đơn vị.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm khi tiếp cận ngưỡng cản +/-75 điểm, tương đương trendline giảm ngắn hạn. Áp lực cung giá cao tăng mạnh ngay từ đầu phiên và duy trì cho đến cuối phiên. Điểm tích cực là dòng tiền tham gia thị trường vẫn mạnh và ổn định, chỉ số Index giảm có khá nhiều trong phiên. Tuy nhiên tính chung toàn thị trường, áp lực chốt lời vẫn chiếm ưu thế, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu đã tăng nóng thuộc nhóm ngành chứng khoán, BĐS.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số HNX-Index đang giảm điểm trở lại khi tiếp cận ngưỡng cản kỹ thuật, sau hơn 1 tuần bật lên từ ngưỡng hỗ trợ. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ điều chỉnh kiểm định lại mốc MA200 ngày, tương đương khoảng 70-71 điểm, trước khi phục hồi trở lại. Trong trường hợp này, vùng đáy 68 điểm sẽ được xác lập và điểm mua được kích hoạt. Trong trường hợp kiểm định MA200 ngày không thành công, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của HNX-Index là vùng đáy cũ.

Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, chúng tôi đánh giá cao hơn kịch bản thị trường kiểm định thành công đường MA200. Nhà đầu tư theo dõi diễn biến thị trường tại ngưỡng hỗ trợ để có quyết định giao dịch hợp lý.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,667	22,553	15.65	5.32	36.38	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.53	2.19	24.96	44.81
3	PVD	HOSE	4,322.5	36.0%	596.96	41.8%	7,789	37,609	10.40	2.15	21.69	40.03
4	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	4,984	22,998	6.68	1.45	20.05	24.03
5	FPT	HOSE	10,867.3	26.2%	361.52	0.9%	4,687	22,024	8.85	1.88	22.47	49.00
6	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.08	1.26	19.28	24.37
7	REE	HOSE	551.8	7.6%	231.73	110.5%	4,368	18,768	5.01	1.17	22.77	48.76
8	PPC	HOSE	2,165.8	21.8%	221.44	-76.5%	2,857	17,657	6.97	1.13	17.03	12.67
9	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.73	2.09	33.45	12.73
10	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	9.30	1.36	15.36	49.00

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PPI	HOSE	20.5	-8.2%	4.98	6125.0%	238	19,312	34.38	0.42	1.26	0.53
2	FLC	HOSE	360.3	69.7%	34.95	2630.5%	1,503	11,847	5.26	0.67	9.39	1.69
3	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.40	1.03	33.22	11.15
4	TDH	HOSE	78.7	-6.9%	9.32	1094.9%	980	36,000	14.69	0.40	2.79	41.53
5	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	24.59	0.76	3.14	0.81
6	SCR	HNX	331.9	64.9%	13.97	905.0%	53	15,055	132.05	0.46	0.35	0.53
7	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	8.75	0.77	9.38	4.54
8	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.90	0.90	5.15	0.01
9	DCS	HNX	21.9	19.8%	1.25	525.0%	128	10,271	32.89	0.41	1.19	0.15
10	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	14.89	0.56	3.83	12.89

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	17.83	0.53	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(29.52)	0.30	(1.04)	0.08
3	PFL	HNX	7.6	3695.0%	-1.83	-18.1%	(1,895)	8,019	(1.37)	0.32	(21.13)	0.13
4	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	108.06	0.36	0.33	0.22
5	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	15.05	0.27	1.77	2.16
6	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	31.97	0.96	4.74	0.15
7	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	9.49	0.64	7.13	6.07
8	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.70)	0.38	(45.13)	0.05
9	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	7.65	1.24	16.06	11.30
10	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.00	0.80	11.93	0.16

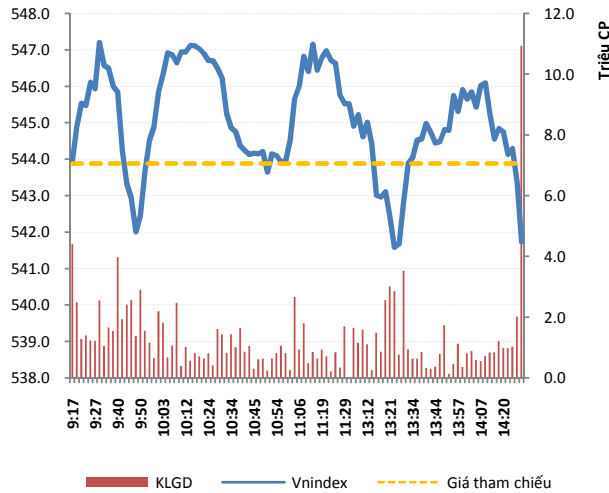
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/05/2014

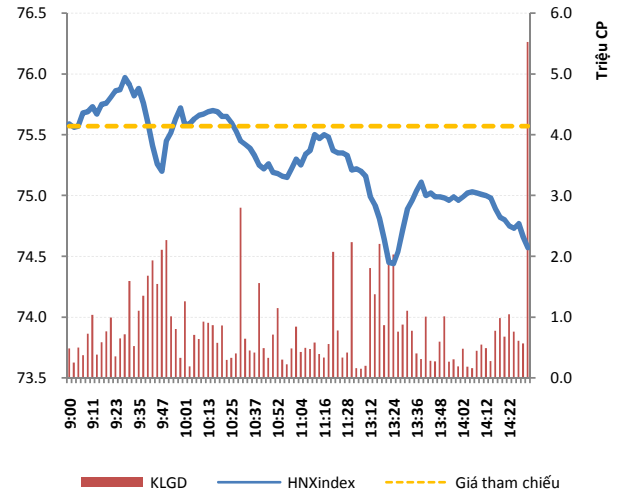


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

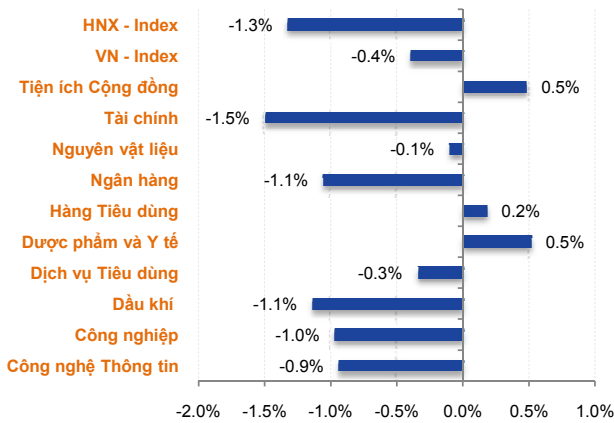
KLGD và VN-Index trong phiên



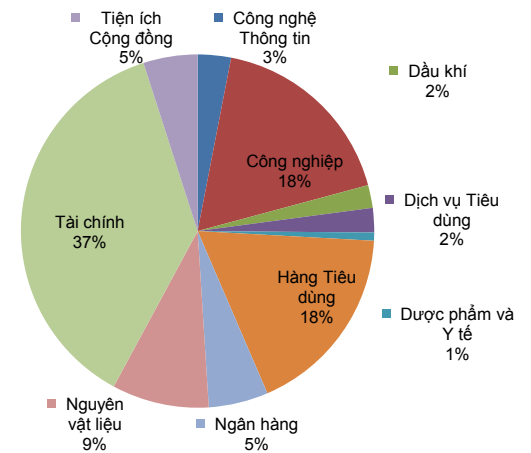
KLGD và HNX-Index trong phiên



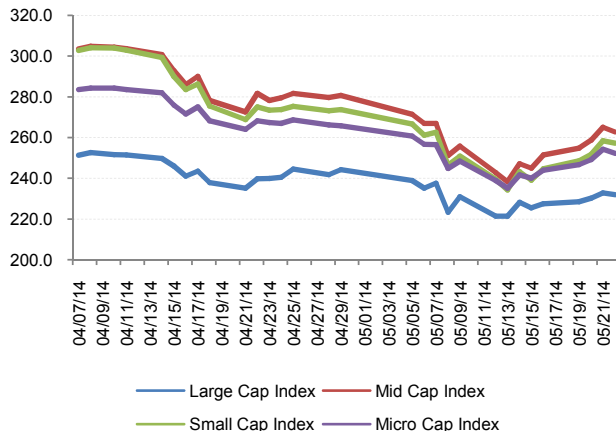
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



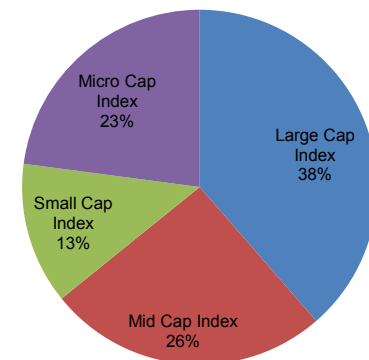
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HQC	680,890	SSC	1,742,157
2	OGC	372,960	CNG	1,155,323
3	VCB	303,330	ITA	974,440
4	HPG	257,740	HAG	248,400
5	KMR	252,350	DPM	218,990

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLS	1,000,000	SHB	475,400
2	VND	796,000	QCC	23,900
3	VCG	559,900	ARM	20,000
4	BVS	240,000	EBS	11,000
5	FIT	228,300	SDT	6,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	10.1	10.1	→ 0.00%	17,400,070
ITA	8.3	7.9	↓ -4.82%	7,636,490
HQC	7.1	7.2	↑ 1.41%	6,745,290
VHG	7.4	7.6	↑ 2.70%	4,871,410
SSI	23.4	23.1	↓ -1.28%	3,709,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	9.2	8.9	↓ -3.26%	9,523,100
PVX	5.0	4.7	↓ -6.00%	8,783,025
KLS	10.7	10.5	↓ -1.87%	8,587,500
SCR	8.6	8.2	↓ -4.65%	8,253,800
SHN	4.0	4.2	↑ 5.00%	5,029,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNG	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
PTK	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
DRH	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
NVN	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
PTL	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
NVC	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
GGG	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
HTC	23.0	25.3	2.3	↑ 10.00%
DNC	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFI	33.3	31.0	-2.3	↓ -6.91%
TV1	14.5	13.5	-1.0	↓ -6.90%
UDC	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
VSI	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
SII	17.5	16.3	-1.2	↓ -6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
IDJ	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
CTM	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
VC3	14.0	12.6	-1.4	↓ -10.00%
PPG	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
LO5	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	17,400,070	9.4%	1,503	6.7	0.9
ITA	7,636,490	0.7%	79	99.9	0.7
HQC	6,745,290	3.0%	320	22.5	0.7
VHG	4,871,410	22.5%	2,595	2.9	0.7
SSI	3,709,300	8.3%	1,235	18.7	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	9,523,100	7.9%	912	9.8	0.7
PVX	8,783,025	-188.8%	(5,604)	-	2.4
KLS	8,587,500	7.1%	948	11.1	0.7
SCR	8,253,800	0.9%	137	59.9	0.5
SHN	5,029,100	4.7%	91	46.3	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNG	↑ 7.0%	-0.4%	(40)	(266.5)	1.0
PTK	↑ 7.0%	0.4%	43	107.9	0.4
DRH	↑ 6.9%	-0.8%	(79)	(39.0)	0.3
NVN	↑ 6.9%	-41.0%	(3,934)	(0.8)	0.4
PTL	↑ 6.9%	-16.6%	(1,521)	(2.0)	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	9.8	7.6
NVC	↑ 12.5%	0.0%	(9,574)	(0.1)	-
GGG	↑ 11.1%	0.0%	(7,751)	(0.1)	-
HTC	↑ 10.0%	17.9%	5,040	5.0	0.8
DNC	↑ 10.0%	10.3%	1,205	10.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	680,890	3.0%	320	22.5	0.7
OGC	372,960	2.1%	227	45.9	1.0
VCB	303,330	10.4%	1,901	14.2	1.4
HPG	257,740	25.0%	4,913	10.0	2.3
KMR	252,350	5.0%	592	10.0	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	1,000,000	7.1%	948	11.1	0.7
VND	796,000	11.8%	1,450	10.3	1.2
VCG	559,900	8.3%	1,018	11.3	0.9
BVS	240,000	7.1%	1,197	9.6	0.7
FIT	228,300	34.9%	3,481	3.9	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	174,340	33.4%	5,936	15.5	4.9
VNM	105,013	36.4%	7,667	16.4	5.6
MSN	65,775	2.2%	451	198.4	4.4
VCB	62,570	10.4%	1,901	14.2	1.4
VIC	59,020	47.0%	8,310	7.9	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,193	6.1%	839	18.6	1.1
PVS	11,659	19.3%	3,403	7.7	1.4
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	7,886	7.9%	912	9.8	0.7
VCG	5,080	8.3%	1,018	11.3	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDI	2.60	6.7%	1,014	11.3	0.7
BGM	2.53	0.3%	34	134.3	0.5
KMR	2.51	5.0%	592	10.0	0.5
PPI	2.46	1.3%	238	40.3	0.5
FLC	2.36	9.4%	1,503	6.7	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	3.54	4.7%	91	46.3	1.4
SVN	3.35	-4.3%	(438)	-	0.6
ORS	3.00	-83.9%	(4,851)	-	1.0
NVC	2.99	0.0%	(9,574)	-	-
VIG	2.72	3.8%	248	18.1	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)